TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KON PLÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 03/2019/HS - ST
Ngày: 19/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông A Hoàn
2. Bà Lương Thị Dân

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/TLST – HS ngày 18 tháng 12 năm 2018 (Số mới: 02/2019/TLST – HS ngày 01/01/2019) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2019/QĐXXST – HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 đối với bị báo Triệu Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1990 tại huyện Q, tỉnh H, nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Triệu Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị M, bị cáo có vợ là Sùng Thị M hiện trú tại: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh H, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 9 năm 2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

+ Trần Bích H; sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh H (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Phan Ngọc V; sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh K (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 14/4/2018, Trần Bích H sinh năm 1985 trú tại: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh H hiện đang nhận thi công công trình tại thủy điện Đăk Re thuộc xã Hiếu, huyện Kon Plông có mua 01 xe mô tô Biển kiểm soát 76M1- 055.66 tại cửa hàng xe máy Ngọc Thẩm tại xã Ba Vì, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi với giá 14.000.000 đồng, giấy tờ xe mang tên Đinh Văn T; trú tại xã S, huyện S, tỉnh Q. Cùng ngày 14/4/2018 chị H giao xe và giấy tờ xe cho Triệu Văn T; sinh năm 1990; trú tại: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Hà G là người phiên dịch tiếng Trung Quốc tại công trường để T đi lại trong công trường phục vụ cho công việc. Sau đó chị H đi về Hà Giang để giải quyết công việc riêng. Đến ngày 16/4/2018 Triệu Văn T cùng một số công nhân gồm: Sùng Thị M sinh năm 1996 là vợ của T; Tẩn Khai X; sinh năm 1977; Thèn Văn C; sinh năm 1991, Phàn Văn Bvà 05 người Trung Quốc (không biết rõ nhân thân lai lịch) có ý định bỏ về Hà Giang không tiếp tục làm công trình cho chị H nữa. Do vậy, T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 76M1- 055.66 chở những công nhân cùng đồ đạc ra ngã ba gần UBND xã Hiếu để đón xe. Đến nơi T và những người đi cùng T vào quán của anh Phan Ngọc V; sinh năm 1982; trú tại: Thôn V, xã H, huyện K để uống nước. Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 16/4/2018 trong lúc mọi người đi ra ngoài đường để đón xe, T nảy sinh ý định bán xe mô tô 76M1- 055.66 của chị H để lấy tiền mua vé xe về quê và tiêu xài cá nhân. Lúc này T hỏi anh V có mua xe không thì T bán, anh V yêu cầu T đưa giấy chứng nhận đăng ký xe và kiểm tra xe. Sau khi xem giấy tờ và kiểm tra xe mô tô trên, anh V phát hiện xe mô tô trên là của chị H nên đi vào trong nhà gọi điện thoại báo cho chị H biết việc công nhân của chị H bán xe mô tô trên. Lúc này, do đang ở Yên Bái nên chị H nói với anh V giữ lại xe mô tô trên cho chị H, khi nào vào chị H sẽ chuộc lại. Sau đó, anh V ra ngoài cùng T thỏa thuận mua bán xe mô tô trên với giá 4.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 4.000.000 đồng từ anh V, T dùng số tiền này để trả tiền xe cho mọi người về Hà Giang và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, chị H chuyển trả cho anh V số tiền 4.500.000 đồng và lấy lại xe mô tô trên mang đi đổi lấy 01 xe mô tô khác, đến ngày 15/6/2018 chị H có đơn trình báo Công an huyện Kon Plông. Ngày 04/9/2018 Triệu Văn T đến Công an huyện Kon Plông đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 11/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 19 đối với xe mô tô Biển kiểm soát số 76M1- 055.66 do Triệu Văn T chiếm đoạt.

Kết luận định giá tài sản số: 10/KL - HĐĐG ngày 16 tháng 7 năm 2018 kết luận xe mô tô Biển kiểm soát số 76M1- 055.66 có giá trị 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 01/CT - VKS ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị can Triệu Văn T về tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*** theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Triệu Văn T 05 (Năm) tháng 19 (Mười chín) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04 tháng 9 năm 2018. Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Bích H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 64.500.000 đồng, bao gồm tiền chuộc xe mô tô Biển kiểm soát 76M1- 055.66 là 4.500.000 đồng và tiền chi phí đi lại trong thời gian điều tra vụ án là 60.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra người bị hại và bị cáo đã thỏa thuận về việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 4.500.000 đồng, nhưng không thỏa thuận được số tiền 60.000.000 đồng là chi phí đi lại tham gia tố tụng do người bị hại yêu cầu. Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền là 20.000.000 đồng bao gồm 4.500.000 đồng là tiền người bị hại bỏ ra để chuộc xe mô tô Biển kiểm soát 76M1-055.66 và 15.500.000 đồng là tiền chi phí đi lại tham gia tố tụng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa bị cáo và người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại về việc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền là 20.000.000 đồng.

Bị cáo Triệu Văn T không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, công nhận quyết định truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"* theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng, bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền là 20.000.000 đồng, bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Trần Bích H trình bày: Tôi vào làm công trình tại thủy điện Đăk Re thuộc xã Hiếu, huyện Kon Plông và đưa Triệu Văn T, Sùng Thị M là vợ của T và một số người ở Hà Giang vào làm việc cho tôi, do trong công trường đi lại khó khăn nên tôi đã mua xe mô tô Biển kiểm soát 76M1- 055.66 tại cửa hàng xe máy Ngọc Thắm tại xã Ba Vì, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và giao cho T quản lý sử dụng phục vụ trong công trường. Đến ngày 16/4/2018 tôi có việc nên đi về Hà Giang và nghe anh Phan Ngọc V có báo là công nhân của tôi bán xe mô tô cho anh Vinh nên tôi có nói anh V giữ lại xe mô tô cho tôi, khi nào tôi vào tôi sẽ chuộc lại. Sau đó tôi đã chuyển cho anh V số tiền 4.500.000 đồng để chuộc lại xe và đổi lấy 01 xe mô tô khác. Sau khi sự việc xảy ra tôi đã đến nhà Triệu Văn T yêu cầu T trả lại số tiền mà tôi đã bỏ ra để chuộc xe nhưng T không có thiện chí trả lại cho tôi mà còn thách thức tôi, do đó tôi làm đơn trình báo Công an huyện Kon Plông, tôi yêu cầu Triệu Văn T phải bồi thường cho tôi số tiền là 64.500.000 đồng, trong đó bao gồm 4.500.000 đồng là tiền tôi bỏ ra để chuộc lại xe từ anh V, còn 60.000.000 đồng là số tiền chi phí đi lại phục vụ cho công tác điều tra vụ án. Tuy nhiên, do bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn nên tại phiên tòa tôi và bị cáo đã thỏa thuận được mức bồi thường là 20.000.000 đồng bao gồm 4.500.000 đồng là tiền tôi chuyển cho anh Vinh để chuộc lại xe và 15.500.000 đồng là tiền chi phí đi lại tham gia tố tụng, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định: Vào ngày 16/4/2018 tại thôn V, xã H, huyện K, tỉnh K, sau khi nhận được tài sản là xe mô tô Biển kiểm soát 76M1- 055.66 là tài sản hợp pháp của chị

Trần Bích H, Triệu Văn T đã nảy sinh ý định bán xe mô tô trên cho anh Phan Ngọc V với giá là 4.000.00 đồng để lấy tiền trả tiền xe về Hà Giang và tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho người bị hại. Do đó có đủ cơ sở xác định hành vi của Triệu Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của bị cáo gây ra, vì vậy phải xử bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng thấy: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi nên đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần chấp nhận lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông về việc cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự làm căn cứ quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất và mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5]. Đối với hành vi của Phan Ngọc V đã mua xe mô tô Biển kiểm soát 76M1-055.66 nhưng Phan Ngọc Vinh biết xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu của chị Trần Bích H nên báo với chị H về việc bị cáo bán xe của chị H cho mình, nhưng được chị H nhờ giữ lại xe nên Phan Ngọc V đã đưa cho bị cáo số tiền 4.000.000 đồng để giữ lại xe cho chị H, anh Vinh đã trả lại xe cho chị H. Vì vậy, không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phan Ngọc V về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 64.500.000 đồng, trong đó bao gồm 4.500.000 đồng là tiền người bị hại bỏ ra để chuộc lại xe từ anh V, còn 60.000.000 đồng là số tiền chi phí đi lại phục vụ cho công tác điều tra vụ án, tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền là 20.000.000 đồng, trong đó bao gồm 4.500.000 đồng là tiền người bị hại bỏ ra để chuộc xe mô tô Biển kiểm soát 76M1- 055.66 và 15.500.000 đồng là tiền chi phí đi lại tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và người bị hại, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn T 05 (Năm) tháng 19 (Mười chín) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04 tháng 9 năm 2018.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Triệu Văn T đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự công nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Triệu Văn T và người bị hại. Bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Trần Bích H số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Triệu Văn T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn đồng)* và án phí dân sự sơ thẩm là 775.000đ *(Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*, tổng cộng bị cáo phải nộp số tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm là

975.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon Plông;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải